

TỔNG CÔNG TY  
BƯU ĐIỆN VIỆT NAM  
BƯU ĐIỆN TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2018

Số: 1202/BĐKH-KHKD

SỞ NỘI VỤ TỈNH KHÁNH HÒA  
Điều chỉnh giá cước dịch vụ

Bưu chính phổ cập

**ĐẾN**

Số: 427/CT.4

Ngày: 16/11/18

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Quý khách hàng.

Bưu điện tỉnh Khánh Hòa gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng và cảm ơn Quý khách hàng đã tin tưởng sử dụng dịch vụ bưu chính chuyên phát của chúng tôi trong thời gian qua.

Chúng tôi xin được thông báo tới Quý khách hàng về việc điều chỉnh giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập như sau:

Ngày 15/10/2018, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 12/2018/TT-BTTTT quy định mức giá cước tối đa đối với dịch vụ bưu chính phổ cập. Thực hiện các quy định của pháp luật về Giá, căn cứ Thông tư nêu trên, Bưu điện Việt Nam đã ban hành bảng cước dịch vụ bưu chính phổ cập theo Quyết định số 2019/QĐ-BĐVN ngày 01/11/2018 (đính kèm công văn). Thời điểm áp dụng giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập mới từ ngày 01/12/2018.

Việc điều chỉnh giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập lần này là nhằm tiếp tục thực hiện lộ trình điều chỉnh giá cước dịch vụ thư cơ bản trong nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 37/2009/QĐ-TTg ngày 6/3/2009. Theo Quyết định này, lộ trình điều chỉnh giá cước dịch vụ được tiến hành theo giai đoạn 2 năm 1 lần từ năm 2009 để đảm bảo sau năm 2012 giá cước dịch vụ bằng giá thành dịch vụ. Tuy nhiên, nhằm chia sẻ với khách hàng trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, Bưu điện Việt Nam đã 2 lần có văn bản đề xuất lùi thời hạn điều chỉnh giá cước dịch vụ và đã được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Đến nay, chi phí các yếu tố đầu vào của hoạt động bưu chính chuyên phát (giá xăng dầu, tiền lương tối thiểu...) đã tăng mạnh nên việc điều chỉnh giá cước tại thời điểm hiện nay là cần thiết. Mức giá cước mới sau khi điều chỉnh vẫn chưa bù đắp được giá thành nhưng sẽ tạo điều kiện cho Bưu điện tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Bưu điện tỉnh Khánh Hòa xin trân trọng thông báo tới Quý khách hàng việc điều chỉnh giá cước dịch vụ Bưu chính phổ cập và rất mong tiếp tục nhận được sự chia sẻ, ủng hộ của Quý khách trong thời gian tới.

**Chúng tôi cam kết nỗ lực không ngừng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính chuyên phát nói chung, đặc biệt dịch vụ bưu chính phổ cập nói riêng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của Quý khách hàng.**

Trân trọng cảm ơn. / *TSM*

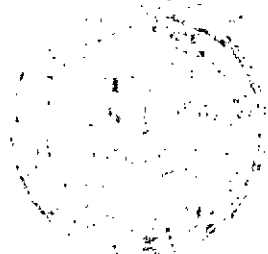
Nơi nhận:

- Cơ quan, tổ chức sử dụng DV Bưu chính phổ cập;
- LĐ BĐT;
- Lưu: VT, KHKD.

GIÁM ĐỐC



*Lê Việt Cường*



Số: 2019/QĐ-BĐVN

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập**

**TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính và các văn bản pháp quy hiện hành điều chỉnh lĩnh vực bưu chính;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa đối với dịch vụ bưu chính phổ cập;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-BTTTT ngày 06/1/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về tổ chức lại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam được phê duyệt theo Quyết định số 1538/QĐ-BTTTT, ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dịch vụ Bưu chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập.

**Điều 2.** Dịch vụ bưu chính phổ cập thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2018. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều được bãi bỏ.

**Điều 4.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng, Giám đốc Ban Quản lý dự án chuyên ngành Bưu điện, Giám đốc các Bưu điện tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

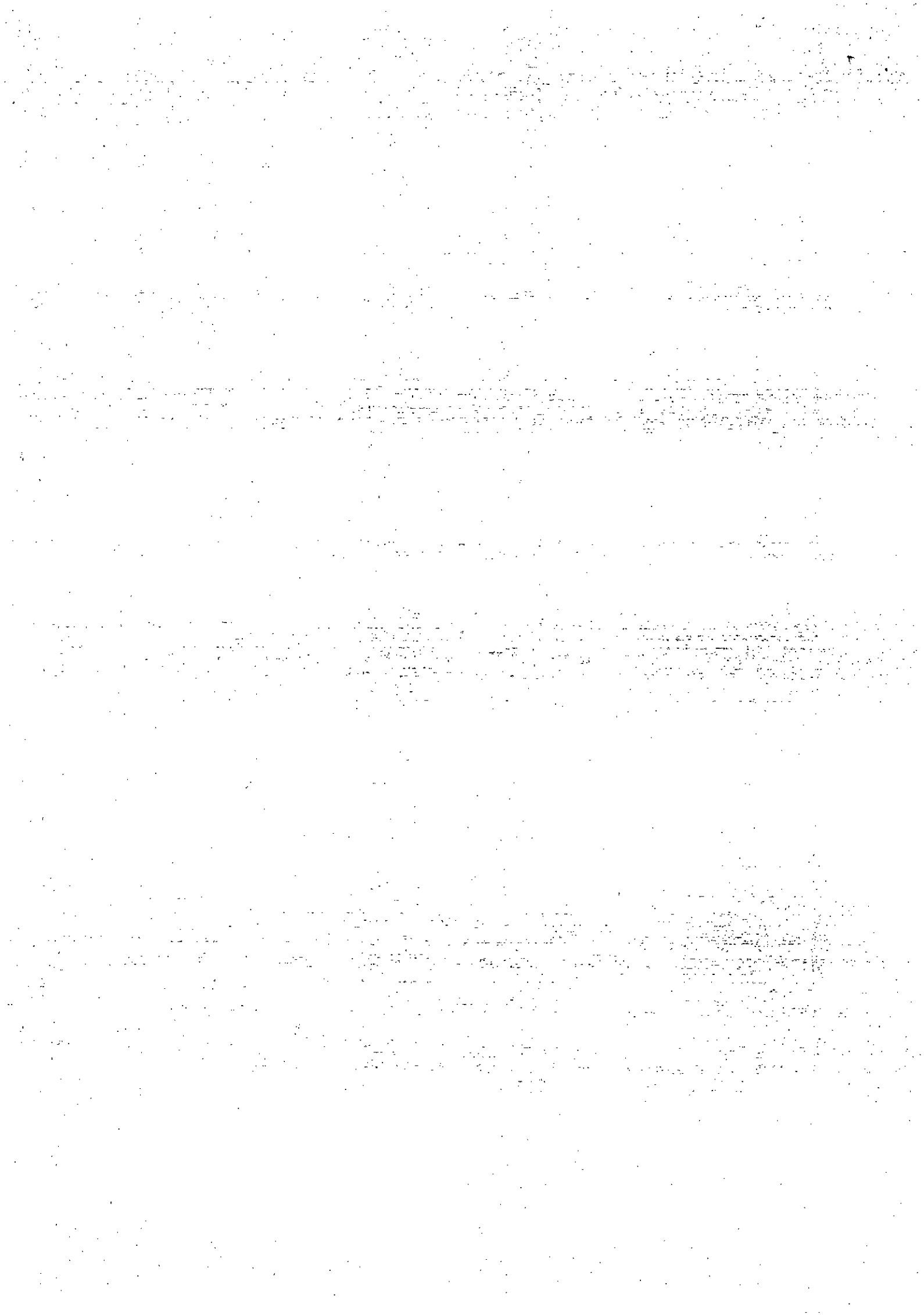
**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ TTTT (để b/c);
- Sở TTTT các tỉnh/thành phố trực thuộc TW (để b/c);
- Cục BĐTW (để p/h);
- Chủ tịch HĐTV (để b/c);
- TV HĐTV;
- KSV TCT;
- Các P.TGD;
- Công đoàn TCT;

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Chú Quang Hào**



**BẢNG GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH PHỔ CẬP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-BĐVN ngày 01/11/2018  
của Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam)

Thời điểm áp dụng: 01/12/2018

**1/. ĐỐI VỚI DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN VÀ BƯU THIẾT TRONG NƯỚC**

Đơn vị: đồng

Nặng khối lượng	Mức cước
Đến 20g	4.000
Trên 20g đến 100g	6.000
Trên 100g đến 250g	8.000
Phần lẻ đến 250g hoặc mỗi 250g tiếp theo đến 2.000g	2.000

**2/. ĐỐI VỚI DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN VÀ BƯU THIẾT QUỐC TẾ**

Đơn vị: đồng

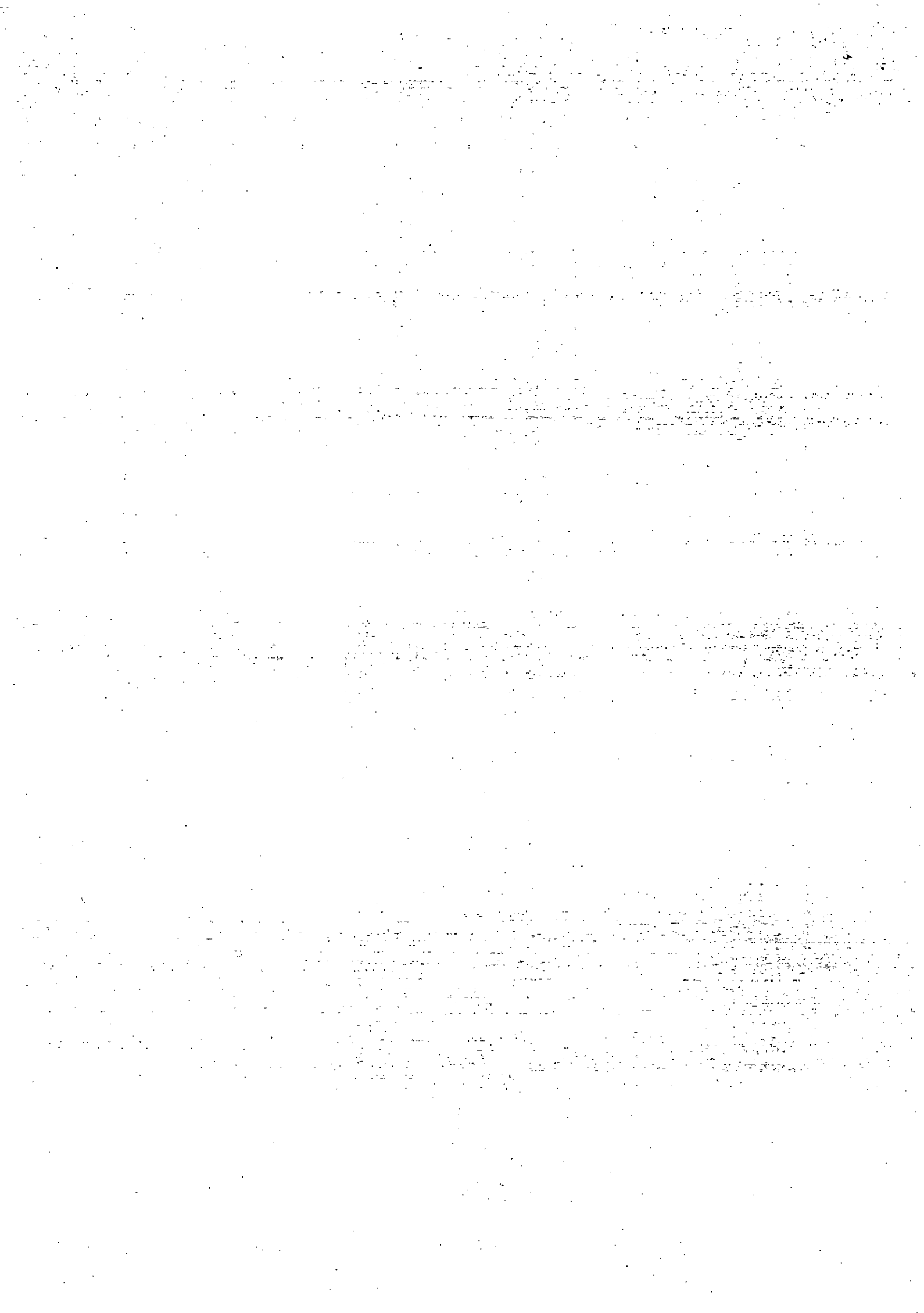
TT	Nặng khối lượng	Mức cước			
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4
1	Đến 20g	15.000	19.000	21.000	23.000
2	Trên 20g đến 100g	37.000	46.000	59.000	63.000
3	Trên 100g đến 250g	90.000	109.000	140.000	155.000
4	Phần lẻ đến 250g hoặc mỗi 250g tiếp theo đến 2.000g	84.000	115.000	136.000	136.000

Ghi chú: Danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ phân theo vùng kèm theo.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Chu Quang Hào**



**Danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ phân theo vùng**  
*(Ban hành kèm theo Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập*  
*kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-BĐVN ngày 01/11/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam)*

Vùng 1			Vùng 2			Vùng 3			Vùng 4		
TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ	
	Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt
1	Afghanistan	Áp-ga-ni-xtan	1	Albania	An-ba-ni	1	Algeria	An-giê-ri	1	Argentina	Ác-hen-ti-na
2	Armenia	Ác-mê-ni-a	2	Austria	Áo	2	Angola	Ăng-gô-la	2	Antigua and Barbuda	An-ti-go-a và Bắc-bu-đa
3	Australia	Ô-xtrây-li-a	3	Belarus	Bê-la-rút	3	Benin	Bê-nanh	3	Bahamas	Ba-ha-mát
4	Azerbaijan	A-déc-bai-dan	4	Belgium	Bi	4	Botswana	Bốt-xoa-na	4	Barbados	Bắc-ba-đốt
5	Bahrain	Ba-ranh	5	Bosnia and Herzegovina	Bô-xni-a Héc-xê-gô-vi-na	5	Burkina Faso	Buốc-ki-na Pha-xô	5	Belize	Bê-li-xê
6	Bangladesh	Băng-la-đét	6	Bulgaria	Bun-ga-ri	6	Burundi	Bu-run-đi	6	Bolivia	Bô-li-vi-a
7	Bhutan	Bu-tan	7	Croatia	Crô-a-ti-a	7	Cameroon	Ca-mơ-run	7	Brazil	Bra-xin
8	Brunei	Bru-nây	8	Cyprus	Síp	8	Cape Verde	Cáp-ve	8	Canada	Ca-na-da
9	Cambodia	Cam-pu-chia	9	Czech	Séc	9	Central Africa	Trung Phi	9	Chile	Chi-lê
10	China	Trung Quốc	10	Denmark	Đan Mạch	10	Chad	Sát	10	Colombia	Cô-lôm-bi-a
11	Fiji	Phi-gi	11	Estonia	E-xtô-ni-a	11	Comoros	Cô-mo	11	Costa Rica	Cốt-xta-ri-ca
12	India	Ấn độ	12	Finland	Phần Lan	12	Congo (Republic of)	Cộng hòa Công-gô	12	Cuba	Cu-ba
13	Indonesia	In-đô-nê-xi-a	13	France	Pháp	13	Congo (Democratic)	Cộng hòa dân chủ Công-gô	13	Dominica	Đô-mi-ni-ca

Vùng 1			Vùng 2			Vùng 3			Vùng 4		
TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ	
	Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt
							Republic of the)				
14	Iran	I-ran	14	Georgia	Gru-di-a	14	Côte d'Ivoire	Bờ Biển Ngà	14	Dominican	Đô-mi-ni-ca-na
15	Iraq	I-rắc	15	Germany	Đức	15	Djibouti	Gi-bu-ti	15	Ecuador	Ê-cu-a-đo
16	Israel	I-xra-en	16	Great Britain	Anh	16	Egypt	Ai cập	16	El Salvador	En Xan-va-đo
17	Japan	Nhật Bản	17	Overseas Territories (United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland)	Các nước thuộc địa của Anh (nằm ngoài lãnh thổ)	17	Equatorial Guinea	Ghi-nê Xích đạo	17	Grenada	Grê-na-đa
18	Jordan	Gioóc-đa-ni	18	Greece	Hy Lạp	18	Eritrea	Ê-ri-tơ-rê-a	18	Guatemala	Goa-tê-ma-la
19	Kazakhstan	Ca-dắc-xtan	19	Hungary	Hung-ga-ri	19	Ethiopia	Ê-ti-ô-pi-a	19	Guyana	Guy-a-na
20	Kiribati	Ki-ri-ba-ti	20	Iceland	Ai-xơ-len	20	Gabon	Ga-bông	20	Haiti	Ha-i-ti
21	Korea, North	Triều Tiên	21	Ireland	Ai-len	21	Gambia	Găm-bi-a	21	Honduras	Ôn-đu-rát
22	Korea	Hàn Quốc	22	Italy	I-ta-li-a	22	Ghana	Ga-na	22	Jamaica	Gia-mai-ca
23	Kuwait	Cô-ôét	23	Latvia	Lát-vi-a	23	Guinea	Ghi-nê	23	Mexico	Mê-hi-cô
24	Kyrgyzistan	Cư-rơ-gr-xtan	24	Liechtenstein	Lít-ten-xơ-tên	24	Guinea-Bissau	Ghi-nê Bít-xao	24	Nicaragua	Ni-ca-ra-go
25	Laos	Lào	25	Lithuania	Lít-va	25	Kenya	Kê-ni-a	25	Panama	Pa-na-ma
26	Lebanon	Li-băng	26	Luxembourg	Lúc-xăm-bua	26	Lesotho	Lê-xô-thô	26	Paraguay	Pa-ra-goay
27	Malaysia	Ma-lay-xi-a	27	Malta	Man-ta	27	Liberia	Li-bê-ri-a	27	Peru	Pê-ru



Vùng 1			Vùng 2			Vùng 3			Vùng 4		
TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ	
	Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt
28	Maldives	Man-đi-vơ	28	Moldova	Môn-đô-va	28	Libya	Li-bi	28	Saint Christopher and Nevis	Xê-n-Kít và Nê-vít
29	Mongolia	Mông cổ	29	Monaco	Mô-na-cô	29	Madagascar	Ma-đa-gát-xca	29	Saint Lucia	Xanh Lu-ci-a
30	Myanmar	Mi-an-ma	30	Montenegro	Mông-tê-nê-grô	30	Malawi	Ma-la-uy	30	Saint Vincent and the Grenadines	Xanh Vin-xen và Grê-na-din
31	Nauru	Nau-ru	31	Netherlands	Hà Lan	31	Mali	Ma-li	31	Suriname	Xu-ri-nam
32	Nepal	Nê-pan	32	Norway	Na Uy	32	Mauritania	Mô-ri-ta-ni	32	Trinidad and Tobago	Tri-ni-đát và Tô-ba-gô
33	New Zealand	Niu Di-lân	33	Poland	Ba Lan	33	Mauritius	Mô-ri-xơ	33	United States of America	Mỹ
34	Oman	Ô-man	34	Portugal	Bồ Đào Nha	34	Morocco	Ma-rôc	34	Uruguay	U-ru-goay
35	Pakistan	Pa-kít-xtan	35	Romania	Ru-ma-ni	35	Mozambique	Mô-dăm-bích	35	Venezuela	Vê-nê-xu-ê-la
36	Papua New Guinea	Pa-pua Niu Ghi-nê	36	Russia	Nga	36	Namibia	Na-mi-bi-a	36	Guam	Gu-am
37	Philippines	Phi-líp-pin	37	San Marino	San Ma-ri-nô	37	Niger	Ni-giê	37	Guernsey	Guôn-xi
38	Qatar	Ca-ta	38	Serbia	Xéc-bi-a	38	Nigeria	Ni-giê-ri-a	38	Puerto Rico	Puốc-tô Ri-co
39	Samoa	Xa-moa	39	Slovakia	Xlô-va-ki-a	39	Rwanda	Ru-an-đa	39	American Virgin Islands	Quần đảo Vơ-gin thuộc Mỹ
40	Saudi Arabia	A-rập Xê-út	40	Slovenia	Xlô-ven-ni-a	40	Sao Tomé and Príncipe	Xao Tô-mê và Prin-xi-pê	40	Cayman Islands	Đảo Cây-men

Vùng 1			Vùng 2			Vùng 3			Vùng 4		
TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ	
	Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt
41	Singapore	Xinh-ga-po	41	Spain	Tây Ban Nha	41	Senegal	Xê-nê-gan	41	Bermuda	Bơ-mu-đa
42	Solomon Islands	Xô-lô-mông	42	Sweden	Thụy Điển	42	Seychelles	Xây-sen	42	Guadeloupe	Gua-đơ-lốp
43	Sri Lanka	Xri Lan-ka	43	Switzerland	Thụy Sĩ	43	Sierra Leone	Xi-e-ra Lê-ôn	43	Virgin Islands	Đảo Vơ-gin
44	Syrian Arab Republic	Xi-ri	44	Macedonia	Ma-xê-đô-ni-a	44	Somalia	Xô-ma-li	44	Curacao	Cu-ra-cao
45	Tajikistan	Tát-gi-ki-xtan	45	Ukraine	U-crai-na	45	South Africa	Nam Phi	45	St. Maarten	Xanh Mắc-ten
46	Thailand	Thái Lan	46	Vatican City State	Va-ti-căng	46	South Sudan	Nam Xu-đăng	46	Aruba	A-ru-ba
47	Timor Leste	Đông Ti-mo	47	Gibraltar	Ghi-bờ-ran-ta	47	Sudan	Xu-đăng	47	French Guiana	Phờ-rench Gui-an-na
48	Tonga	Tông-ga	48	Isle Man	Ai-xlơ Men	48	Swaziland	Xoa-di-len	48	Martinique	Mắc-ti-ni-quê
49	Turkey	Thổ Nhĩ Kỳ	49	Jersey	Giơ-si	49	Tanzania	Tan-da-ni-a	49	Territorial Community of Miquelon	Cộng đồng lãnh thổ của Mi-que-lon
50	Turkmenistan	Tuốc-mê-ni-xtan				50	Togo	Tô-gô	50	Territorial Community of St Pierre and Miquelon	Cộng đồng lãnh thổ của Xanh Pi-e và Mi-que-lon
51	Tuvalu	Tu-va-lu				51	Tunisia	Tuy-ni-di	51	Greenland	Gờ-rin-len
52	United Arab Emirates	Các tiểu Vương quốc A-rập Thống nhất				52	Uganda	U-gan-đa			

Vùng 1			Vùng 2			Vùng 3			Vùng 4		
TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ		TT	Tên quốc gia/vùng lãnh thổ	
	Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tiếng Anh	Tiếng Việt
53	Uzbekistan	U-dơ-bê-ki-xtan				53	Zambia	Dăm-bi-a			
54	Vanuatu	Va-nu-a-tu				54	Zimbabwe	Zim-ba-bu-ê			
55	Yemen	Y-ê-men				55	French Southern and Antarctic Territories	Vùng đất phía nam và châu nam cực thuộc Pháp			
56	Christmas Islands	Đảo Crit-xmốt				56	Réunion	Rơ-ni-ông			
57	Cocos Islands	Đảo Cô-côt									
58	Norfolk Islands	Đảo No-phôc									
59	Cook Islands	Đảo Cúc									
60	French Polynesia	Phờ-ren Po-li-ne-xi-a									
61	New Caledonia	Niu Kên-đô-ni-a									
62	Wallis and Futuna Island	Đảo Oa-lit và Phu-tu-na									
63	Hong Kong	Hồng-Công									
64	Macao	Ma-cao									
65	Taiwan	Đài Loan									

Ghi chú: Các quốc gia hiện không cung ứng dịch vụ do chiến tranh, gồm: Li-bi (Libya), Xô-ma-li (Somali) và Xi-ri (Syria).

